



CALTEX

# Phiếu An Toàn Hóa Chất - MSDS

## PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

### Rust Proof Oil

Tên thương mại: Rust Proof Oil

Mã sản phẩm: 530804

Loại sản phẩm: Chất chống rỉ

#### Tên và địa chỉ công ty:

Công ty TNHH Dầu Nhớt Chevron Việt Nam  
Lô F4, Khu Công Nghiệp Đình Vũ, An Hải  
Hải Phòng  
Việt Nam

#### Phản hồi thông tin trong các trường hợp khẩn cấp liên quan đến vận chuyển và sức khỏe:

Các Trung tâm thông tin khẩn cấp Chevron: đặt tại Hoa Kỳ  
Tiếp nhận các cuộc gọi quốc tế 24/24 giờ theo số: (800) 231-0623 hoặc (510) 231-0623

#### Liên hệ để có thông tin về sản phẩm và MSDS:

email : [CLVLTech@chevron.com](mailto:CLVLTech@chevron.com) ĐT: 04-7332545

## PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

THÀNH PHẦN	SỐ ĐĂNG KÝ CAS	LƯỢNG (% khối lượng)
Dung môi stoddard	8052413	50 - 65
Dầu chưng cất nặng gốc parafin khử sáp bằng dung môi	64742650	35 - 50
Ba-ri carbonate	5137799	< 1
Ba-ri sulfonate	61790485	< 1

## PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ CÁC ĐẶC TÍNH NGUY HẠI

**Cảnh báo nguy hiểm:** DỄ CHÁY  
CÓ HẠI NẾU NUỐT PHẢI HOẶC HẤP THỤ QUA DA  
CÓ THỂ GÂY CHÓNG MẶT VÀ BUỒN NGỦ  
CÓ THỂ GÂY KÍCH ỨNG MẮT VÀ DA  
NGUY HẠI HÔ HẤP. CÓ THỂ GÂY THƯƠNG TÍCH PHỔI NẾU HÍT HOẶC NUỐT PHẢI  
KHÔNG ĐỂ TRẺ EM TIẾP CẬN SẢN PHẨM

**Mắt:** Gây kích ứng mắt với biểu hiện như chảy nước mắt, đau, đỏ mắt, nhìn bị mờ và/hoặc sưng.

**Tiêu hóa:** Nếu nuốt phải một số ngậm, có thể cảm thấy khó chịu ở bụng, buồn nôn hoặc tiêu chảy.

Nếu bị nôn sau khi nuốt phải sản phẩm, có thể bị sặc sản phẩm vào phổi gây viêm hóa chất và tổn thương phổi.

**Hô hấp:** Hít thở bụi hoặc hơi sản phẩm có thể gây kích thích đường hô hấp hoặc gây khó chịu.

Sự phơi nhiễm với hơi bụi được tạo ra do phun hoặc đun nóng sản phẩm, trong không gian khép kín thông gió kém, có thể gây kích ứng mũi, họng và phổi, gây đau đầu, buồn ngủ, chóng mặt hoặc bất tỉnh

**Da:** Có thể gây kích ứng da.

Sự tiếp xúc kéo dài hoặc lặp lại có thể gây kích ứng nặng hơn hoặc làm cho da bị nẻ hoặc khô do mất mỡ.

**Tác động độc hại dài hạn:** Các thành phần dầu gốc được kỳ vọng là không gây ung thư theo tiêu chí của IARC. Sản phẩm không được xét nghiệm tổng thể về những tác động sức khỏe dài hạn.

Chứa chất dung môi có thể gây tác hại cho cơ thể nếu hít, nuốt phải hoặc hấp thụ qua da.

Xem Phần 11 để có thêm thông tin.

#### PHẦN 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

**Mắt:** Xối rửa ngay bằng nước vào mắt mở to và kéo dài ít nhất 15 phút. Nếu vẫn thấy kích ứng, cần khám bác sĩ

**Da:** Cần thay và giặt sạch quần áo bị nhiễm, kể cả giày.

Rửa sạch vùng da nhiễm bằng nước và xà phòng.

Khám bác sĩ nếu thấy các triệu chứng như mô tả trong phiếu MSDS này.

**Tiêu hóa:** KHÔNG ép gây nôn. Hít phải sản phẩm có thể gây thương tích phổi như viêm hóa chất. Cần khám bác sĩ ngay. Nếu thấy nôn tự phát, cần đặt đầu xuôi thấp hơn hông để tránh sặc và theo dõi tình trạng hô hấp. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng nạn nhân đang bị bất tỉnh.

**Hô hấp:** Nếu thấy các triệu chứng như mô tả trong phiếu MSDS này do hít thở phải sản phẩm, thì cần phải di chuyển sang nơi có không khí trong lành. Nếu thấy ngừng thở, cần hô hấp nhân tạo. Gọi bác sĩ cấp cứu ngay.

**Thông tin cho bác sĩ:** Sản phẩm này có thể tiềm ẩn nguy hiểm hô hấp. Cần đọc các điều dẫn giải trong phiếu MSDS này. Nếu có sự nôn mửa tự phát sau khi nuốt phải sản phẩm, cần theo dõi tình trạng hô hấp của nạn nhân vì tác hại của sản phẩm hít vào phổi có thể xuất hiện sau tới 48 giờ.

#### PHẦN 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

##### CÁC ĐẶC TÍNH CHÁY:

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** không được xác định

**Nồng độ tối hạn cháy / nổ (% thể tích trong không khí):** không được xác định

**Điểm chớp cháy (Cốc hồ Cleveland):** 40°C

**CHẤT DẬP LỬA:** Theo hướng dẫn của Hiệp hội cứu hỏa quốc gia Mỹ, dùng bình phun nước, hóa chất khô, bột hoặc carbon dioxide khô. Nước và bột có thể gây sùi bọt. Dùng nước để làm nguội các thùng chứa bị cháy. Nếu phần rò rỉ hoặc chảy tràn chưa bén lửa, dùng nước phun để phân tán khí hơi sản phẩm và bảo đảm trang bị bảo vệ cho người vào nơi ngăn chặn rò rỉ

**NGUY CƠ NỔ:** Có thể hình thành hỗn hợp hơi-khí cháy nổ. Khí hơi có thể dịch chuyển ra xa, bắt lửa ở đáy và truyền lửa ngược lại. Các thùng chứa có thể phát nổ khi cháy.

Trong trường hợp hỏa hoạn liên quan đến sản phẩm, không được đi vào vùng đóng kín hoặc bị lửa vây mà không có thiết bị cung cấp khí thở để tránh các tác động nguy hại của các sản phẩm cháy hoặc sự thiếu ô xy.

#### PHẦN 6: CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU SỰ CỐ

**Khắc phục loang nhiễm:** cần loại trừ mọi nguồn phát lửa bao gồm động cơ đốt trong và công cụ có động cơ. Thông gió. Cách ly khu vực. Vị trí của người phải ở đầu gió và để phòng nguy cơ cháy nổ ở phía cuối gió. Tránh hít thở khí bay hơi và tránh tiếp xúc với mắt và da. Sử dụng các dụng cụ hô hấp và quần áo bảo hộ như được nêu trong Phiếu MSDS này (xem Phần 8). Sử dụng thiết bị cung cấp khí thở ở nơi khép kín có mức phơi nhiễm cao. Hứng đựng lượng rò rỉ nếu có thể. Dùng chất hấp thụ trợ để thu gom sản phẩm loang và đựng trong các loại thùng chứa được phê chuẩn để thải bỏ. Tránh để sản phẩm xâm nhập vào cống rãnh và nguồn nước.

#### PHẦN 7: CÁC YẾU CẦU TRONG THAO TÁC VÀ LƯU KHO

Tránh xa nguồn nhiệt và nguồn lửa. Đậy kín các thùng chứa. Thao tác và lưu trữ ở nơi thông gió tốt và phù hợp với các quy định sở tại liên quan đến các chất lỏng dễ cháy.

Các thùng rỗng còn đọng sản phẩm thừa (chất lỏng và/hoặc khí hơi) có thể gây nguy hiểm. **KHÔNG nén khí, cắt, hàn điện, hàn thiết, khoan, mài hoặc để thùng tiếp xúc với nhiệt, lửa, tia lửa điện hoặc các nguồn phát lửa khác.**

**Thùng có thể nổ và gây thương tích hoặc tử vong.** Không cố làm sạch thùng vì phần thừa thường là khó tẩy bỏ.

Thùng rỗng cần được tháo hết sản phẩm, đậy nắp đúng cách và chuyển ngay đến nơi tái chế. Tất cả các bao bì thải khác cần được thải bỏ theo phương thức an toàn môi trường và phù hợp với các quy định của chính phủ.

#### PHẦN 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**Mắt:** Tránh tiếp xúc với mắt. Khuyến nghị dùng kính bảo hộ hoặc mặt nạ.

**Bảo vệ da:** Tránh tiếp xúc với da hoặc quần áo mặc ở nhà. Sự tiếp xúc có thể được giảm thiểu nhờ sự dụng trang phục bảo hộ bao gồm quần áo liền quần, găng tay và ủng. Găng tay và ủng phải chịu được hóa chất và các loại dầu chưng cất từ dầu mỏ.

Người bị phơi nhiễm cần thực hiện vệ sinh cá nhân hợp lý bao gồm tẩy rửa vùng da bị phơi nhiễm bằng nước và xà phòng một số lần trong ngày, giặt và phơi khô quần áo lao động ít nhất một lần một tuần.

**Bảo vệ hô hấp:** Nếu điều kiện vận hành có thể tạo sương bụi dầu, khuyến nghị sử dụng các loại dụng cụ bảo vệ hô hấp được phê chuẩn.

Dùng các dụng cụ bảo hộ hô hấp được phê chuẩn như thiết bị có bộ lọc khí hơi hữu cơ và lọc bụi hạt.

Dùng các dụng cụ bảo hộ hô hấp được phê chuẩn khi thu dọn các vết loang lớn hoặc khi vào trong các thùng chứa, khoang tàu hoặc khoang không kín.

**Thông gió:** Sử dụng biện pháp thông gió thích hợp để giữ cho nồng độ sản phẩm trong không khí dưới giới hạn ngưỡng theo ACGIH đối với bụi dầu khoáng. Ứng dụng thông gió khí xả khu vực hoặc khép kín công đoạn là phù hợp trong các trường hợp này.

**Giới hạn phơi nhiễm:** Theo GCGIH, nồng độ giới hạn của dung môi stoddard trong không khí là 100 phần triệu cho trường hợp phơi nhiễm 8 giờ một ngày.

Theo ACGIH, đối với bụi sương dầu khoáng thì nồng độ giới hạn là 5 mg/m<sup>3</sup> không khí cho trường hợp phơi nhiễm 8 giờ một ngày và 10 mg/m<sup>3</sup> cho trường hợp phơi nhiễm ngắn hạn.

## PHẦN 9: CÁC ĐẶC TÍNH LÝ HÓA

Các số liệu sau đây có thể là một khoảng gần đúng hoặc là trị số đặc trưng của các sản phẩm cùng dòng. Các thông tin kỹ thuật chính xác được nêu trong Tài liệu giới thiệu sản phẩm và có thể cung cấp bởi đại diện bán hàng.

**Màu & mùi:** Chất lỏng có màu nâu

**Điểm sôi:** không được xác định

**Áp suất bay hơi (mmHg ở 25°C):** không được xác định

**Khối lượng riêng (kg/L ở 25°C):** 0,8323

**Mật độ hơi (không khí = 1):** không được xác định

**pH của dung dịch:** không áp dụng

**Tính tan (trong nước):** không đáng kể

**Thành phần dễ bay hơi (% thể tích):** không được xác định

**Bay hơi:** không được xác định

**Độ nhớt (cho cả dây sản phẩm):** 3,5 mm<sup>2</sup>/s ở 40°C

## PHẦN 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

**Sản phẩm cháy:** Có thể hình thành các chất carbon monoxide, carbon dioxide, aldehyde và ketone.

**Các điều kiện cần tránh:** Nhiệt, các chất ô xy hóa mạnh.

## PHẦN 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC HẠI

### THÔNG TIN CHUNG:

Sản phẩm này chứa dầu gốc dầu mỏ được tinh lọc bằng nhiều công đoạn bao gồm công đoạn chiết tinh bằng dung môi, hydrocracking tinh và xử lý tinh bằng hydro. Các loại dầu này không nằm trong danh sách của Báo cáo thường niên của Chương trình Quốc gia về Độc hại (NTP) và cũng không được phân loại theo Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) như là những chất gây ung thư hoặc có thể gây ung thư cho người.

Phơi nhiễm nghề nghiệp kéo dài hoặc lặp lại thường xuyên với các chất dung môi có liên đới với các tổn hại hệ thống thần kinh lâu dài, thường được nhắc đến như là “hội chứng dung môi” hoặc “hội chứng thợ sơn”. Việc sử dụng sai có chủ đích sản phẩm này có thể gây hại hoặc chết người.

## PHẦN 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### Tác động môi trường:

Sản phẩm hoặc các thành phần được xem là kháng lại sự phân hủy sinh học.

Sản phẩm hoặc các thành phần có thể độc hại với các sinh vật nước và cần tránh gây nhiễm hệ thống cống rãnh thoát nước và các nguồn nước

## PHẦN 13: NHỮNG LƯU Ý KHI THẢI BỎ

Hãy đựng các vật liệu thải nhiễm sản phẩm trong thùng chứa và thải bỏ theo các quy định hiện hành. Hãy liên lạc với các cơ quan về sức khỏe hoặc môi trường để có các hướng dẫn chính thức về thải bỏ sản phẩm này.

Khi thải bỏ cần tránh gây nhiễm đất, hệ thống cống rãnh thoát nước và các nguồn nước

## PHẦN 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

**Vận chuyển hàng nguy hiểm:**

**Số UN:** 1268

**Nhóm hàng nguy hiểm:** 3

**Tên vận tải thích hợp:** Dầu mỏ chung cất, N.O.S. hoặc Sản phẩm dầu mỏ, N.O.S.

**Mã số hóa chất nguy hại (Australia/New Zealand):** 3Y

**Các thông tin bổ sung:** Vận tải cần tuân theo các quy định sở tại liên quan đến chất lỏng dễ cháy.

#### **PHẦN 15: THÔNG TIN VỀ CHẾ ĐỊNH**

##### **Thông tin về dụng cụ bảo vệ hô hấp:**

Người sử dụng dụng cụ bảo vệ hô hấp ở Australia và New Zealand cần tuân thủ quy định AS/NZS 1715/1716.

Nếu không có các quy định chính thức ở nước sở tại, người sử dụng dụng cụ bảo vệ hô hấp có thể tham khảo quy định U.S. NIOSH, quy định Châu Âu EU-149 hoặc quy định Australia-New Zealand AS/NZS 1715/1716 để có các hướng dẫn.

#### **PHẦN 16: CÁC THÔNG TIN KHÁC**

Sản phẩm này không được dùng cho công đoạn khoan nước uống hoặc cho các hệ thống vận hành nước uống hoặc cho mặt trong của các bể chứa nước uống.

Với những hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, những thông tin được cung cấp trong phiếu MSDS này là đúng đắn. Sự tiếp cận những thông tin này được thông qua mạng Internet nhằm mang khả năng tiếp cận tối đa cho những người sử dụng tiềm năng. Chúng tôi không chịu bất cứ trách nhiệm nào về hậu quả của việc sử dụng tài liệu này, do những thông tin này có thể sẽ được sử dụng trong những điều kiện nằm ngoài sự kiểm soát hoặc hiểu biết của chúng tôi. Cũng có thể phát sinh thêm các số liệu sau khi phiếu MSDS này được phát hành. Một số nguy hại nhất định được mô tả ở đây, tuy nhiên chúng có thể không phải là những nguy hại duy nhất tồn tại. Tất cả các vật liệu đều tiềm tàng những nguy hại chưa được biết đến và nên được sử dụng với sự thận trọng. Khách hàng được khuyến khích xem xét các thông tin, thực thi các phòng ngừa và tuân thủ các quy định và luật hiện hành liên quan đến việc sử dụng và thải bỏ sản phẩm này. Để có thêm các thông tin hoặc tư vấn riêng biệt, đề nghị hãy liên hệ với đại diện bán hàng ở khu vực của bạn. Sự quyết định cuối cùng về sự phù hợp của bất cứ sản phẩm nào hoàn toàn là trách nhiệm của người sử dụng.

Dịch vụ Sức khỏe, Môi trường và An toàn được phê chuẩn. Ngày hiệu chỉnh: 1/7/1997